

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển kế hoạch vốn năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban thường kỳ ngày 19/9/2022 (tiết (-) thứ 18, khoản 7 Thông báo số 347/TB-UBND ngày 21/9/2022) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 190/TTr-SKHĐT ngày 15/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách ngân sách tỉnh năm 2022 của các dự án, chương trình do không có khả năng giải ngân trong năm 2022, số tiền: 59.815.669.250 đồng (*Năm mươi chín tỷ tám trăm mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng*), như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)

2. Bổ sung kế hoạch vốn ngân sách ngân sách tỉnh năm 2022 cho các dự án, với tổng số tiền: 59.815.669.250 đồng (*Năm mươi chín tỷ tám trăm mười lăm triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng*), từ nguồn điều chỉnh giảm tại khoản 1, như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các chủ đầu tư có tên tại Phụ lục II căn cứ kế hoạch vốn điều chuyển để tập trung thực hiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời hạn và thanh, quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm giải quyết các hồ sơ, thủ tục để giải ngân và theo dõi, hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, chủ đầu tư có tên tại các Phụ lục I, II và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, NN&PTNT, TN&MT, GTVT;
- Các PCVP;
- Lưu VT, TH, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn bố trí đến nay		Kế hoạch năm 2022			Kế hoạch vốn điều chỉnh giảm	Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Nguồn vốn cắt giảm
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Kế hoạch	Giải ngân đến nay	Kế hoạch vốn còn lại			
							Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
	TỔNG SỐ						1.393.432	717.433	664.427	107.935	107.935	195.100	48.501,300750	146.598,699250	59.815,699250	135.284,300750	
A	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH						1.190.359	514.360	177.350	39.800	39.800	28.000	3.284,300750	24.715,699250	22.815,699250	5.184,300750	
1	Nghị quyết về quy định cơ chế khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025					04/2021-13/01/21	778.800	108.010	54.000	10.000	10.000	10.000	3.184,300750	6.815,699250	6.815,699250	3.184,300750	Nguồn thu sử dụng đất
2	Nghị quyết về cơ chế khuyến khích đầu tư, hỗ trợ khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2030					01/2020-21/4/2020	378.000	378.000	95.000	10.000	10.000	10.000		10.000,000000	10.000,000000	-	
3	Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng gắn với phát triển vùng nguyên liệu						33.559	28.350	28.350	19.800	19.800	8.000	100,000000	7.900,000000	6.000,000000	2.000,000000	
3.1	Đường vào khu dược liệu xã Trà Giáp	UBND huyện Bắc Trà My	7905045	292	2021-2023	1749-28/6/21	19.979	15.300	15.300	10.700	10.700	4.300	100,000000	4.200,000000	2.300,000000	2.000,000000	Nguồn ngân sách tập trung
3.2	Đường giao thông vào vùng dược liệu xã Phước Thành	UBND huyện Phước Sơn	7894426	292	2021-2023	450-19/4/21	13.580	13.050	13.050	9.100	9.100	3.700		3.700,000000	3.700,000000	-	Nguồn ngân sách tập trung
B	DANH MỤC DỰ ÁN						203.073	203.073	67.200	68.135	68.135	30.000	71,000000	29.929,000000	17.000,000000	13.000,000000	
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH						142.078	142.078	32.900	35.478	35.478	21.000	71,000000	20.929,000000	8.000,000000	13.000,000000	
1	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Nam	Sở Y tế	7481103	132	2015-2025	2238-21/7/14	142.078	142.078	32.900	35.478	35.478	21.000	71,000000	20.929,000000	8.000,000000	13.000,000000	Nguồn thu sử dụng đất
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ						60.995	60.995	34.300	32.657	32.657	9.000	-	9.000,000000	9.000,000000	-	
II.1	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						60.995	60.995	34.300	32.657	32.657	9.000	-	9.000,000000	9.000,000000	-	
1	Đường nối ĐH6.DX đi khu TĐC Núi Rang	UBND huyện Duy Xuyên	7818540	292	2021-2023	613-10/3/20	20.995	20.995	7.400	16.569	16.569	4.000		4.000,000000	4.000,000000	-	Nguồn ngân sách tập trung
2	Tuyến nối từ đường 129 đi khu TĐC Duy Hải (giai đoạn 2)		7866499	292	2021-2023	2012-28/7/20	40.000	40.000	26.900	16.089	16.089	5.000		5.000,000000	5.000,000000	-	
C	TRẢ NỢ VAY ĐẾN HẠN								419.877			137.100	45.146,000000	91.954,000000	20.000,000000	117.100,000000	Nguồn tiết kiệm chi, tăng thu

Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG BỔ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục lĩnh vực/ dự án	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến nay		Chủ đầu tư đề nghị	Phân bổ bổ sung kế hoạch năm 2022				Ghi chú		
						Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó			
							Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh								Ngân sách tập trung		Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn tiết kiệm chi, tăng thu
	TỔNG SỐ						1.750.219	1.727.842	1.101.679	232.676	224.126	85.188	59.815,699250	15.000	24.815,699250	20.000			
A	CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ QUYẾT HĐND TỈNH						968.222	964.845	418.579	2.000	2.000	2.188	2.000,000000	-	-	2.000			
1	Nghị quyết về quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi Quảng Nam, giai đoạn 2021 - 2025					23/2021-22/7/2021	968.222	964.845	418.579										
	Huyện Đông Giang	UBND huyện Đông Giang								2.000	2.000	2.188	2.000,000000			2.000	Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 08/9/2022		
B	DANH MỤC DỰ ÁN						781.997	762.997	683.100	230.676	222.126	83.000	57.815,699250	15.000	24.815,699250	18.000			
I	NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP; THỦY LỢI, THỦY SẢN; ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ						121.997	121.997	61.100	84.800	84.800	3.000	3.000,000000	-	-	3.000			
1	Hồ Hố Do, huyện Thăng Bình	BQL dự án ĐTXD các CT NN&PTNT	7747925	283	2019-2023	1623-31/5/19	121.997	121.997	61.100	84.800	84.800	3.000	3.000,000000			3.000	Tờ trình số 732/TTr-BQLNNPTNT ngày 29/8/2022. Thanh toán nợ khối lượng hoàn thành, đẩy nhanh tiến độ		
II	GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ						660.000	641.000	622.000	145.876	137.326	80.000	54.815,699250	15.000	24.815,699250	15.000			
1	Sửa chữa, khôi phục đảm bảo giao thông do xuống cấp, hư hỏng sau bão lũ công trình cầu Liêu Km1+255, tuyến ĐT611B	BQL dự án ĐTXD các công trình giao thông	7893395	292	2021-2023	2275-10/8/21	40.000	40.000	38.000	16.000	16.000	10.000	8.000,000000	8.000			Tờ trình số 1251/TTr-BQLGT ngày 08/9/2022, khối lượng thực hiện đạt 29 tỷ đồng. Dự án khắc phục bão lụt năm 2020, dự kiến đưa vào sử dụng năm 2022		
2	Đường nối Quốc lộ 14H đến ĐT609C		7896605	292	2022-2025	3927-31/12/21	340.000	340.000	323.000	27.000	27.000	39.000	32.815,699250		24.815,699250	8.000	Tờ trình số 1252/TTr-BQLGT ngày 08/9/2022. Kế hoạch vốn mới bố trí 8%.		
3	Đường ĐH12.PN, đoạn từ ĐT615 đến Quốc lộ 40B	UBND huyện Phú Ninh	7887183	292	2021-2024	471-08/02/21	110.000	99.000	99.000	24.950	24.400	15.000	7.000,000000	7.000			Tờ trình số 187/TTr-UBND ngày 12/9/2022. Khối lượng thực hiện đến cuối năm khoảng 41 tỷ đồng		
4	Đường nội thị phía Tây thị trấn Prao	UBND huyện Đông Giang	7870142	292	2020-2023	3295-25/11/20	170.000	162.000	162.000	77.926	69.926	16.000	7.000,000000			7.000	Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 14/9/2022. Khối lượng thực hiện đến cuối năm khoảng 110 tỷ đồng		